

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN DU LỊCH NINH VÂN BAY**  
Tầng 3, toà nhà Hoàng Gia, 180 Triệu Việt Vương, Hai Bà Trưng, Hà Nội

---

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN DU LỊCH NINH VÂN BAY**  
Quý IV năm 2018



---

*Hà nội, tháng 01 năm 2019*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>69.508.827.183</b>	<b>73.909.195.909</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>11.993.702.961</b>	<b>18.207.776.901</b>
111	1. Tiền		11.993.702.961	3.807.776.901
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	14.400.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>115.000.000</b>	<b>115.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		115.000.000	115.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>43.382.061.157</b>	<b>42.058.466.826</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	3.004.636.168	3.911.367.142
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	2.624.980.793	3.224.041.225
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	28	24.746.700.000	22.061.700.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	18.164.206.749	15.330.093.175
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn	7	(5.158.462.553)	(2.468.734.716)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>10.211.922.208</b>	<b>9.421.793.101</b>
141	1. Hàng tồn kho		10.211.922.208	9.421.793.101
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.806.140.857</b>	<b>4.106.159.081</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	2.166.104.938	2.735.430.365
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.640.035.919	1.370.728.716
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>446.421.885.370</b>	<b>460.877.336.772</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>348.952.801.760</b>	<b>351.457.013.948</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	116.749.670.587	111.138.637.439
222	Nguyên giá		242.466.611.293	221.454.071.667
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(125.716.940.706)	(110.315.434.228)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	232.203.131.173	240.318.376.509
228	Nguyên giá		305.427.091.263	305.427.091.263
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(73.223.960.090)	(65.108.714.754)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.268.021.332</b>	<b>6.128.050.517</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	1.268.021.332	6.128.050.517
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>69.105.081.877</b>	<b>70.142.557.190</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		61.475.403.849	62.512.879.162
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		27.254.139.320	27.254.139.320
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(19.624.461.292)	(19.624.461.292)
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>27.095.980.401</b>	<b>33.149.715.117</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	14.727.384.729	7.288.105.985
269	2. Lợi thế thương mại	14	12.368.595.672	25.861.609.132
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>515.930.712.586</b>	<b>534.786.532.681</b>

01020  
CÔNG  
CỔ PHẦN  
BẤT ĐỘNG SẢN  
DU LỊCH NINH VÂN BAY  
TRUNG ƯƠNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>132.978.737.535</b>	<b>147.221.301.274</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>66.535.173.147</b>	<b>99.420.573.404</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	11.663.340.167	12.895.249.022
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	13.498.057.864	8.288.193.696
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	5.290.277.588	13.158.856.733
314	4. Phải trả người lao động		5.523.431.173	6.068.589.828
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	7.848.322.900	11.334.443.833
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	6.340.636.050	16.606.144.220
320	7. Vay ngắn hạn	19	14.737.793.537	29.250.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.633.313.868	1.819.096.072
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>66.443.564.388</b>	<b>47.800.727.870</b>
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	20	10.000.000.000	-
338	2. Vay dài hạn	19	10.186.881.730	-
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.3	46.256.682.658	47.800.727.870
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>382.951.975.018</b>	<b>387.565.231.407</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>382.951.975.018</b>	<b>387.565.231.407</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		905.000.000.000	905.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		905.000.000.000	905.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		24.455.000.000	24.455.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		269.596.844	269.596.844
421	4. Lỗ lũy kế		(687.265.537.798)	(689.162.995.474)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(689.162.995.474)	(209.725.070.465)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ) năm nay		1.897.457.676	(479.437.925.009)
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		140.492.915.972	147.003.630.037
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>515.930.712.586</b>	<b>534.786.532.681</b>



Ngô Thị Thanh Hải  
Người lập kiểm Kế toán trưởng



Hoàng Anh Dũng  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 1 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
Quý 4 năm 2018 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Quý 4 năm 2018	Quý 4 năm 2017	Năm nay	Năm trước
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	52.022.575.340	45.562.000.034	269.417.851.409	232.581.893.579
02	2.Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	146.935.810	(16.791.609)		(79.325.877)
10	3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	52.169.511.150	45.545.208.425	269.417.851.409	232.502.567.702
11	4.Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(31.784.252.371)	(30.235.679.626)	(126.103.716.360)	(115.404.684.467)
20	5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20.385.258.779	15.309.528.799	143.314.135.049	117.097.883.235
21	6.Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	521.218.815	438.630.991	1.896.526.074	1.639.141.072
22	7.Chi phí tài chính	24	(1.414.162.101)	(230.430.379.290)	(2.855.458.512)	(291.084.631.873)
23	Trong đó: chi phí lãi vay		(553.651.823)	(4.185.525.801)	(2.214.607.293)	(26.520.800.328)
24	8.Phần lỗ từ công ty liên kết	13.1	(73.981.523)	(18.841.842)	(165.953.603)	(86.388.445)
25	9.Chi phí bán hàng	25	(6.591.739.278)	(3.889.732.769)	(31.369.036.210)	(25.494.684.090)
26	10.Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(17.729.990.387)	(16.645.418.182)	(69.588.722.793)	(311.078.603.746)
30	11.Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ HĐK		(4.903.395.695)	(235.236.212.293)	41.231.490.005	(509.007.283.847)
31	12.Thu nhập khác		(1.961.441.739)	72.306.298.284	825.142.731	72.791.649.554
32	13.Chi phí khác		(2.046.122.397)	(1.264.739.377)	(359.275.220)	(3.658.142.169)
40	14.Lợi nhuận khác		84.680.658	71.041.558.907	465.867.511	69.133.507.385
50	15.Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		(4.818.715.037)	(164.194.653.386)	41.697.357.516	(439.873.776.462)
51	16.Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(1.397.979.025)	(11.330.798.645)	(15.514.659.117)	(15.693.524.040)
52	17.Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	27.3	386.011.303	(965.028.257)	1.544.045.212	(386.011.303)
60	18.Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN		(5.830.682.759)	(176.490.480.288)	27.726.743.611	(455.953.311.805)
61	19.Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của công ty mẹ	21.1	(6.051.764.775)	(177.810.569.880)	1.897.457.676	(479.437.925.009)
62	20.Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	21.1	221.082.016	1.320.089.592	25.829.285.935	23.484.613.204



Ngô Thị Thanh Hải  
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Hoàng Anh Dũng  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 1 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

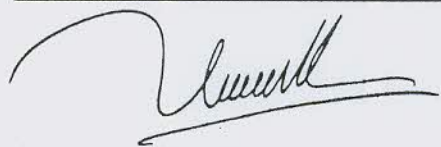
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế</b>		<b>41.697.357.516</b>	<b>(439.873.776.465)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		37.973.935.812	37.057.173.538
03	Các khoản dự phòng		2.689.727.837	12.358.186.652
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		139.333.760	3.321.046
05	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.455.219.627)	498.251.628.221
06	Chi phí lãi vay (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)		2.214.607.293	27.244.874.399
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>83.259.742.591</b>	<b>135.041.407.391</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		615.928.536	(5.107.462.221)
10	Tăng hàng tồn kho		(790.129.107)	(1.242.189.647)
11	Giảm các khoản phải trả		(4.827.830.102)	(53.447.198.257)
12	Tăng chi phí trả trước		(6.869.953.317)	(1.963.094.397)
14	Tiền lãi vay đã trả		(4.962.378.433)	(27.881.622.397)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(24.858.623.174)	(4.129.670.446)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(185.782.204)	(1.240.569.548)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>41.380.974.790</b>	<b>40.029.600.478</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(18.496.738.011)	(14.449.212.777)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	1.283.975.179
23	Tiền chi cho vay		(2.685.000.000)	(3.160.700.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		-	61.618.000.030
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(3.370.250.000)
26	Tiền thu đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		10.000.000.000	175.409.998.712
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		279.137.068	1.056.678.922
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(10.902.600.943)</b>	<b>218.388.490.066</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		66.951.627.302	34.637.800.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(71.276.952.035)	(257.387.800.000)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát		(32.340.000.000)	(23.030.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		<b>(36.665.324.733)</b>	<b>(245.780.000.000)</b>
50	(Giảm)/tăng tiền thuần trong năm		<b>(6.186.950.886)</b>	<b>12.638.090.544</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		<b>18.207.776.901</b>	<b>5.573.253.577</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(27.123.054)	(3.567.220)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	<b>11.993.702.961</b>	<b>18.207.776.901</b>



Ngô Thị Thanh Hải  
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Hoàng Anh Dũng  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 1 năm 2019



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Quý 4 năm 2018 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

## 1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103013874 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 26 tháng 9 năm 2006 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 ngày 7 tháng 10 năm 2016.

Vào ngày 28 tháng 4 năm 2010, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã chính thức chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay với mã cổ phiếu NVT theo công văn số 85/QĐ-SGDHCM. Vào ngày 7 tháng 5 năm 2010, 50.500.000 cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết và bắt đầu phiên giao dịch đầu tiên tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số cổ phiếu được lưu hành của Công ty là 90.500.000 cổ phiếu (Thuyết minh số 21.4).

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh khách sạn và dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường) và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 3, tòa nhà Hoàng Gia, số 180 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

### *Cơ cấu tổ chức*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 1 công ty con là Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải. Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4200686538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 13 tháng 12 năm 2008, với số vốn điều lệ là 90 tỷ VND. Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải có trụ sở đặt tại thôn Văn Đăng, xã Vĩnh Lương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Hoạt động chính theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải là kinh doanh khu du lịch sinh thái, dịch vụ ăn uống và lữ hành.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty nắm 51% (tương đương 4.590.000 cổ phiếu) vốn cổ phần và 51% quyền biểu quyết trong công ty con này (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 51%).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý 4 năm 2018 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY** (tiếp theo)

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng** (tiếp theo)

- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là đồng Việt Nam ("VND").

**2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

205

NG  
PH.  
3 SÁN  
VÂN

NG



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý 4 năm 2018 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên liệu, vật liệu tồn kho và công cụ, dụng cụ với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v..) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý 4 năm 2018 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Quyền sử dụng đất*

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 18 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	1 - 5 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất và mặt biển	33 - 43 năm
Phần mềm máy tính	3 - 7 năm

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý 4 năm 2018 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cán trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý 4 năm 2018 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý 4 năm 2018 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải (công ty con của Công ty) trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

▶ **Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của công ty.

▶ **Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3.14 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

10  
Ô  
Đ  
M  
VH  
RL

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý 4 năm 2018 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

205  
 NG  
 PH  
 S S  
 V  
 NG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý 4 năm 2018 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.16 Thông tin theo bộ phận**

Hoạt động chính của Tập đoàn là kinh doanh khách sạn và dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Tập đoàn cung cấp hoặc do Tập đoàn hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Tập đoàn chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Tập đoàn không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

**3.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý 4 năm 2018 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	389.342.059	366.196.145
Tiền gửi ngân hàng	11.604.360.902	3.441.580.756
Các khoản tương đương tiền	-	14.400.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.993.702.961</u></b>	<b><u>18.207.776.901</u></b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đường mòn Đông Dương	365.679.150	474.688.551
Công ty TNHH Du lịch và Thương mại Á Đông Vido Tour	205.671.417	422.666.202
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.433.285.601	3.014.012.389
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.004.636.168</u></b>	<b><u>3.911.367.142</u></b>

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Môi trường Quốc Huy	900.057.000	-
Công ty TNHH Ô tô Ngôi sao Việt Nam	480.000.000	-
Công ty TNHH MTV Trần Đức	-	1.445.176.359
Các khoản trả trước khác	1.244.923.793	1.778.864.866
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.624.980.793</u></b>	<b><u>3.224.041.225</u></b>

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Lãi vay phải thu các bên liên quan	11.928.679.449	9.715.121.577
Chi phí chi trả hộ bên liên quan	3.400.806.476	2.995.287.722
Phải thu ngắn hạn khác	2.834.720.824	2.619.683.876
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>18.164.206.749</u></b>	<b><u>15.330.093.175</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.158.462.553)	(2.468.734.716)
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác</i>	2.834.720.824	3.146.236.882
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	15.329.485.925	12.183.856.293





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý 4 năm 2018 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	5.766.208.485	-	5.695.285.730	-
Công cụ, dụng cụ	4.445.713.723	-	3.726.507.371	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.211.922.208</b>	<b>-</b>	<b>9.421.793.101</b>	<b>-</b>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.201.125.590	1.611.172.618
Chi phí sửa chữa tài sản	739.427.836	796.701.791
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	225.551.512	327.555.956
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.166.104.938</b>	<b>2.735.430.365</b>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa cơ sở hạ tầng	9.279.708.396	2.825.341.024
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.664.616.942	3.739.473.246
Chi phí trả trước dài hạn khác	783.059.391	723.291.715
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.727.384.729</b>	<b>7.288.105.985</b>

Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay  
B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	138.194.537.216	49.298.776.957	27.020.292.016	6.940.465.478	221.454.071.667
- Mua trong năm	-	2.233.792.226	8.525.955.293	-	10.759.747.519
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	11.216.962.645	-	-	-	11.216.962.645
- Giảm khác	(886.168.018)	(78.002.520)	-	-	(964.170.538)
Số cuối năm	148.525.331.843	51.454.566.663	35.546.247.309	6.940.465.478	242.466.611.293
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	1.884.325.748	16.605.831.567	8.195.082.177	1.875.466.818	28.560.706.310
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Số đầu năm	65.068.917.985	28.465.000.263	12.400.269.694	4.381.246.286	110.315.434.228
- Khấu hao trong năm	8.505.145.485	4.283.882.017	2.549.928.002	1.026.721.512	16.365.677.016
- Giảm khác	(886.168.018)	(78.002.520)	-	-	(964.170.538)
Số cuối năm	72.687.895.452	32.670.879.760	14.950.197.696	5.407.967.798	125.716.940.706
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	73.125.619.231	20.833.776.694	14.620.022.322	2.559.219.192	111.138.637.439
Số cuối năm	75.837.436.391	18.783.686.903	20.596.049.613	1.532.497.680	116.749.670.587

Tài sản cố định hữu hình là khu nghỉ dưỡng Six Senses Hideaway Ninh Vân Bay tại chân núi Bà Dú, xã Ninh Vân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa với giá trị còn lại là 73.125.619.231 VND đã được Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải (công ty con của Tập đoàn) sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty này tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Khánh Hòa như trình bày tại Thuyết minh số 19.2 và Thuyết minh số 19.3.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý 4 năm 2018 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất và mặt biển	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	301.589.683.022	3.741.716.654	95.691.587	305.427.091.263
Tăng trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	301.589.683.022	3.741.716.654	95.691.587	305.427.091.263
<i>Trong đó:</i>				
Đã hao mòn hết	-	1.000.786.517	95.691.587	1.096.478.104
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Số đầu năm	62.445.990.844	2.567.032.323	95.691.587	65.108.714.754
Hao mòn trong năm	7.723.683.884	391.561.452	-	8.115.245.336
Số cuối năm	70.169.674.728	2.958.593.775	95.691.587	73.223.960.090
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	239.143.692.178	1.174.684.331	-	240.318.376.509
Số cuối năm	231.420.008.294	783.122.879	-	232.203.131.173

Quyền sử dụng đất và mặt biển bao gồm diện tích 49,98 ha đất và 94,5 ha mặt biển tại đảo Ninh Vân, huyện Ninh Vân, tỉnh Khánh Hòa được sử dụng cho việc kinh doanh khu nghỉ Six Senses Ninh Vân Bay theo các hợp đồng thuê đất và mặt biển số 01/2003 HĐ/TĐ ngày 21 tháng 1 năm 2003 và số 24/2004 HĐ/TĐ ngày 28 tháng 4 năm 2004. Toàn bộ khu đất và mặt biển là một quần thể không tách rời, cùng được sử dụng cho hoạt động của khu nghỉ. Đối với tiền thuê mặt biển, Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải đã thanh toán theo hình thức trả tiền một lần. Tiền thuê đất được trả hàng năm.

Quyền tài sản phát sinh theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 292538, số BĐ 292540 và số BĐ 292540 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 8 tháng 3 năm 2011 đã được Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải (công ty con của Tập đoàn) sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty này tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Khánh Hòa như trình bày tại Thuyết minh số 19.2 và Thuyết minh số 19.3.

020  
 ÔNG  
 Ô PH  
 ỨNG SẢ  
 H VÀ  
 RUNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý 4 năm 2018 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí thiết kế Dự án Six Senses Ninh Vân Bay - giai đoạn 2	1.036.935.000	1.036.935.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	231.086.332	5.091.115.517
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.268.021.332</b>	<b>6.128.050.517</b>

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 13.1)	61.475.403.849	62.512.879.162
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 13.2)	27.254.139.320	27.254.139.320
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh số 13.3)	(19.624.461.292)	(19.624.461.292)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>69.105.081.877</b>	<b>70.142.557.190</b>

**13.1 Đầu tư vào công ty liên kết**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	
	<i>Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)</i>
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp	40,21	40,21	40,21	40,21

Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp là một công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000491891 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 5 tháng 5 năm 2008, với số vốn điều lệ là 30 tỷ đồng Việt Nam. Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp có trụ sở đặt tại Cồn Bắp, phường Cẩm Nam, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Hoạt động chính theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của công ty này là kinh doanh khách sạn và dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn sở hữu 40,21% phần vốn chủ sở hữu và 40,21% tỷ lệ biểu quyết trong công ty liên kết này.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018, Hội đồng Quản trị của Tập đoàn đã ban hành Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐQT thông qua chủ trương chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty trong Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp với tổng giá trị chuyển nhượng không thấp hơn 76 tỷ VND. Ngày 15 tháng 11 năm 2018, Tập đoàn đã ký hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty trong Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp cho một cá nhân khác với giá phí chuyển nhượng là 78 tỷ VND. Theo đó, Công ty đã nhận ứng trước từ cá nhân này theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp nêu trên với số tiền là 10 tỷ VND như trình bày tại Thuyết minh số 20. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các thủ tục liên quan đến việc chuyển nhượng phần vốn góp của Tập đoàn trong Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp vẫn chưa được hoàn tất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý 4 năm 2018 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**13.1 Đầu tư vào các công ty liên kết** (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết này như sau:

*Đơn vị tính: VND*

*Công ty TNHH Du lịch  
 Sinh thái Cồn Bắp*

**Giá trị đầu tư:**

Số đầu năm	63.930.000.000
Chuyển nhượng khoản đầu tư	-
Số cuối năm	<u>63.930.000.000</u>

**Phần lũy kế lỗ sau khi mua công ty liên kết:**

Số đầu năm	(1.417.120.838)
Phần lỗ từ công ty liên kết	(165.953.603)
Lãi chưa thực hiện từ giao dịch với công ty liên kết trong năm	(871.521.710)
Số cuối năm	<u>(2.454.596.151)</u>

**Giá trị còn lại:**

Số đầu năm	<u>62.512.879.162</u>
Số cuối năm	<u>61.475.403.849</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý 4 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**13.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Tên đơn vị	Ngày 31 tháng 12 năm 2018				Ngày 31 tháng 12 năm 2017			
	Tỷ lệ vốn năm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ vốn năm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)
Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú (i)	12,24	12,24	18.360.000.000	(18.360.000.000)	12,24	12,24	18.360.000.000	(18.360.000.000)
Công ty Cổ phần Hồng Hải (ii)	10,37	10,37	6.894.139.320	-	10,37	10,37	6.894.139.320	-
Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay (iii)	10,00	10,00	1.000.000.000	(1.000.000.000)	10,00	10,00	1.000.000.000	(1.000.000.000)
Công ty Cổ phần EMG (iv)	14,3	14,3	1.000.000.000	(264.461.292)	14,3	14,3	1.000.000.000	(264.461.292)
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>27.254.139.320</b>	<b>(19.624.461.292)</b>			<b>27.254.139.320</b>	<b>(19.624.461.292)</b>

- (i) Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103025527 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 6 năm 2008, với số vốn điều lệ là 150 tỷ VND. Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú có trụ sở đặt tại Đầm Vân Long, xã Gia Vân, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú là kinh doanh khách sạn, khu nghỉ dưỡng và dịch vụ ăn uống.
- (ii) Công ty Cổ phần Hồng Hải là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4200479404 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 18 tháng 8 năm 2010, với số vốn điều lệ là 100 tỷ VND. Công ty Cổ phần Hồng Hải có trụ sở đặt tại thôn Văn Đăng, xã Vĩnh Lương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Hồng Hải là kinh doanh khu du lịch sinh thái, làng du lịch và dịch vụ ăn uống.
- (iii) Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310273430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 8 năm 2010, với số vốn điều lệ là 10 tỷ VND. Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay có trụ sở đặt tại lầu 6, tòa nhà Khatoco 259A Hai Bà Trưng, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay là phát hành và quản lý thẻ nghỉ dài hạn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý 4 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**13.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác** (tiếp theo)

(iv) Công ty Cổ phần EMG là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0311199892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 9 năm 2011, với số vốn điều lệ là 7 tỷ VND. Công ty Cổ phần EMG có trụ sở đặt tại lầu 6, tòa nhà Khatoco, số 259A Hai Bà Trưng, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty Cổ phần EMG là dịch vụ quản lý khách sạn và khu nghỉ dưỡng, kinh doanh khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

**13.3 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng đầu năm	19.624.461.292	9.735.009.356
Trích lập dự phòng trong năm	-	9.889.451.936
<b>Dự phòng cuối năm</b>	<b>19.624.461.292</b>	<b>19.624.461.292</b>

**14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải</i>	
<b>Nguyên giá:</b>		
Số đầu năm		134.930.134.599
Số cuối năm		134.930.134.599
<b>Phân bổ lũy kế:</b>		
Số đầu năm		109.068.525.467
- Phân bổ trong năm		13.493.013.460
Số cuối năm		122.561.538.927
<b>Giá trị còn lại:</b>		
Số đầu năm		25.861.609.132
Số cuối năm		12.368.595.672

1020  
 ÔNG  
 Ô P  
 ING S  
 IH V  
 RUNI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý 4 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**15.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả đối tượng khác	7.004.315.292	7.004.315.292	10.037.178.850	10.037.178.850
Phải trả ngắn hạn cho bên liên quan (Thuyết minh số 28)	4.659.024.875	4.659.024.875	2.858.070.172	2.858.070.172
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.663.340.167</b>	<b>11.663.340.167</b>	<b>12.895.249.022</b>	<b>12.895.249.022</b>

**15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khách cá nhân	11.224.394.658	6.110.017.360
Công ty lữ hành	2.273.663.206	2.178.176.336
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.498.057.864</b>	<b>8.288.193.696</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	831.867.103	10.851.975.589	(9.750.537.690)	1.933.305.002
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.770.575.071	15.514.659.117	(24.858.623.174)	2.426.611.014
Thuế thu nhập cá nhân	435.335.654	2.156.647.110	(1.921.239.508)	670.743.256
Thuế khác	121.078.905	2.020.157.257	(1.881.617.846)	259.618.316
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.158.856.733</b>	<b>30.543.439.073</b>	<b>(38.412.018.218)</b>	<b>5.290.277.588</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê văn phòng và mặt bằng	4.608.933.391	4.016.078.948
Chi phí quảng cáo và tiếp thị	1.224.620.488	2.847.900.320
Lãi vay phải trả	86.854.795	3.081.567.118
Chi phí phải trả khác	1.927.914.226	1.388.897.447
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.848.322.900</b>	<b>11.334.443.833</b>
Trong đó:		
Chi phí phải trả khác	3.239.389.509	7.318.364.885
Chi phí phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	4.608.933.391	4.016.078.948

516  
3-T  
HÀ  
ẢNH  
INB  
3-T



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý 4 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phí phục vụ phải trả cho nhân viên	2.832.117.266	1.945.191.132
Quỹ từ thiện	2.479.945.283	2.397.400.561
Các cá nhân (*)	-	11.000.000.000
Các khoản phải trả khác	<u>1.028.573.501</u>	<u>1.263.552.527</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.340.636.050</u></b>	<b><u>16.606.144.220</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác</i>	6.340.636.050	16.606.144.220
<i>Phải trả khác cho các bên liên quan</i>		
<i>(Thuyết minh số 28)</i>	-	-

47-  
Y  
↓  
DU LỊCH  
NINH VÂN BAY  
P. HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý 4 năm 2018 vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**19. VAY**

Đơn vị tính: VND

		Số đầu năm		Thay đổi trong năm		Số cuối năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>							
Vay ngân hàng	19.2	10.000.000.000	10.000.000.000	48.038.369.735	(51.317.230.528)	6.721.139.207	6.721.139.207
Vay các cá nhân	19.1	19.250.000.000	19.250.000.000	3.500.000.000	(18.808.096.618)	3.941.903.382	3.941.903.382
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả		-	-	5.226.375.837	(1.151.624.889)	4.074.750.948	4.074.750.948
		<b>29.250.000.000</b>	<b>29.250.000.000</b>	<b>56.764.745.572</b>	<b>(71.276.952.035)</b>	<b>14.737.793.537</b>	<b>14.737.793.537</b>
<b>Dài hạn</b>							
Vay ngân hàng	19.3	-	-	15.413.257.567	(5.226.375.837)	10.186.881.730	10.186.881.730
		-	-	<b>15.413.257.567</b>	<b>(5.226.375.837)</b>	<b>10.186.881.730</b>	<b>10.186.881.730</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>29.250.000.000</b>	<b>29.250.000.000</b>	<b>72.178.003.139</b>	<b>(76.503.327.872)</b>	<b>24.924.675.267</b>	<b>24.924.675.267</b>

**19.1 Vay các cá nhân**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn với đối tượng khác như sau:

Đối tượng	Số cuối kỳ (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Bà Bùi Lê Mai	2.541.903.382	Ngày 31 tháng 01 năm 2019	11%	Tín chấp
Bà Nguyễn Thị Bình	1.400.000.000	Ngày 28 tháng 2 năm 2019	11%	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.941.903.382</b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý 4 năm 2018 vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**19. VAY (tiếp theo)**

**19.2 Vay ngắn hạn ngân hàng**

Chi tiết khoản ngắn hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối kỳ (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Khánh Hòa	6.721.139.207	Thời hạn vay 3 tháng. Ngày trả nợ gốc cuối cùng là ngày 28 tháng 3 năm 2019. Lãi được trả vào ngày 25 hàng tháng	7,6%	Tài sản cố định hữu hình là khu nghỉ dưỡng Six Senses Hideaway Ninh Vân Bay tại chân núi Bà Dú, xã Ninh Vân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa và quyền tài sản phát sinh theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 292538, số BĐ 292540 và số BĐ 292540 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 8 tháng 3 năm 2011
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.721.139.207</b>			

**19.3 Vay dài hạn ngân hàng**

Chi tiết khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối kỳ (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Khánh Hòa	14.261.632.678	Thời hạn vay 48 tháng, đáo hạn ngày 25 tháng 6 năm 2022. Gốc và lãi vay được thanh toán vào ngày 25 hàng tháng.	8,5%	Tài sản cố định hữu hình là khu nghỉ dưỡng Six Senses Hideaway Ninh Vân Bay tại chân núi Bà Dú, xã Ninh Vân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa và quyền tài sản phát sinh theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 292538, số BĐ 292540 và số BĐ 292540 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 8 tháng 3 năm 2011
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.261.632.678</b>			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	4.074.750.948			
Vay dài hạn	10.186.881.730			

# Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý 4 năm 2018 vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

## 20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Đỗ Anh Tuấn	10.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Khoản ứng trước được nhận bởi Công ty theo hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Du lịch sinh thái Cồn Bắp cho ông Đỗ Anh Tuấn với giá phí chuyển nhượng là 78 tỷ VND như trình bày tại Thuyết minh số 13.1. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, các thủ tục liên quan đến việc chuyển nhượng phần vốn góp của Tập đoàn trong Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp vẫn chưa được hoàn tất.

- 01  
CỔ  
C  
T ĐỘ  
NIN  
BẮT

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**21.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Phần vốn thuộc về các cổ đông của Công ty mẹ					Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát	Tổng nguồn vốn
	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Tổng cộng		
<b>Năm trước:</b>							
Số đầu năm	905.000.000.000	24.455.000.000	269.596.844	(209.572.070.465)	720.152.526.379	147.256.788.963	867.409.315.342
- Chia cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(23.030.000.000)	(23.030.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(153.000.000)	(153.000.000)	(147.000.000)	(300.000.000)
- Chuyển nhượng công ty con	-	-	-	-	-	(560.772.130)	(560.772.130)
- (Lỗ)/lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	(479.437.925.009)	(479.437.925.009)	23.484.613.204	(455.953.311.805)
Số cuối năm	<u>905.000.000.000</u>	<u>24.455.000.000</u>	<u>269.596.844</u>	<u>(689.162.995.474)</u>	<u>240.561.601.370</u>	<u>147.003.630.037</u>	<u>387.565.231.407</u>
<b>Năm nay:</b>							
Số đầu năm	905.000.000.000	24.455.000.000	269.596.844	(689.162.995.474)	240.561.601.370	147.003.630.037	387.565.231.407
- Chia cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(32.340.000.000)	(32.340.000.000)
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	1.897.457.676	1.897.457.676	25.829.285.935	27.726.743.611
Số cuối năm	<u>905.000.000.000</u>	<u>24.455.000.000</u>	<u>269.596.844</u>	<u>(687.265.537.798)</u>	<u>242.459.059.046</u>	<u>140.492.915.972</u>	<u>382.951.975.018</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý 4 năm 2018 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**21.2 Chi tiết vốn cổ phần đã góp**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp của cổ đông	905.000.000.000	905.000.000.000	-	905.000.000.000	905.000.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	24.455.000.000	24.455.000.000	-	24.455.000.000	24.455.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>929.455.000.000</b>	<b>929.455.000.000</b>	<b>-</b>	<b>929.455.000.000</b>	<b>929.455.000.000</b>	<b>-</b>

**21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm	905.000.000.000	905.000.000.000
Số cuối năm	905.000.000.000	905.000.000.000

**21.4 Cổ phiếu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đăng ký phát hành	90.500.000	905.000.000.000	90.500.000	905.000.000.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng và được góp vốn đầy đủ	90.500.000	905.000.000.000	90.500.000	905.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	90.500.000	905.000.000.000	90.500.000	905.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	90.500.000	905.000.000.000	90.500.000	905.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	90.500.000	905.000.000.000	90.500.000	905.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu (2017: 10.000 đồng/cổ phiếu).

1941  
 TY  
 AN  
 DU LỊCH  
 NINH VÂN BAY  
 TP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý 4 năm 2018 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>269.417.851.409</b>	<b>232.581.893.579</b>
Trong đó:		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	70.355.153.934	57.455.400.011
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	199.062.697.475	175.126.493.568
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	<b>(79.325.877)</b>
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	(79.325.877)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>269.417.851.409</b>	<b>232.502.567.702</b>
Trong đó:		
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	70.355.153.934	57.455.400.011
<i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	199.062.697.475	175.047.167.691

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.621.173.230	1.475.597.109
Lãi chênh lệch tỷ giá	275.352.844	163.543.963
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.896.526.074</b>	<b>1.639.141.072</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	25.094.885.538	22.769.104.417
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	101.008.830.822	92.635.580.050
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>126.103.716.360</b>	<b>115.404.684.467</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	2.214.607.293	26.520.800.328
Lỗ từ chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty con	-	225.520.146.918
Lỗ thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	27.957.521.943
Dự phòng giảm giá tổn thất của các khoản đầu tư	-	9.889.451.936
Chi phí tài chính khác	640.851.219	1.196.710.748
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.855.458.512</b>	<b>291.084.631.873</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý 4 năm 2018 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí dịch vụ quản lý	16.809.281.376	14.413.033.248
Chi phí tiếp thị, quảng cáo	10.722.378.332	7.048.464.601
Chi phí nhân công	3.474.758.520	3.840.134.681
Chi phí khác	362.617.982	193.051.560
	<b>31.369.036.210</b>	<b>25.494.684.090</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân công	34.671.862.640	19.938.691.440
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.364.664.738	16.803.876.752
Lợi thế thương mại phân bổ trong năm	13.493.013.460	13.493.013.460
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	2.689.727.837	2.468.734.716
Chi phí khấu hao	3.457.824	17.621.160
Lỗi từ chuyển nhượng công nợ phải thu về cho vay với Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú	-	245.959.383.017
Phí phục vụ chia cho nhân viên	-	11.068.369.516
Chi phí khác	1.365.996.294	1.328.913.685
	<b>69.588.722.793</b>	<b>311.078.603.746</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>100.957.759.003</b>	<b>336.573.287.836</b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	79.479.838.420	68.707.166.763
Chi phí nhân công	73.925.342.546	67.413.210.566
Chi phí khấu hao, hao mòn tài sản cố định, phân bổ lợi thế thương mại	37.973.935.812	37.057.173.538
Chi phí nguyên vật liệu	30.954.896.821	28.850.338.458
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	2.689.727.837	2.468.734.716
Lỗi từ chuyển nhượng công nợ phải thu về cho vay tại Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú	-	245.959.383.017
Chi phí khác	1.728.614.276	1.521.965.245
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>226.752.355.712</b>	<b>451.977.972.303</b>

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty và công ty con là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý 4 năm 2018 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**27.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	15.514.659.117	12.643.573.989
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu của các năm trước	-	3.049.950.051
(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	<u>(1.544.045.212)</u>	<u>386.011.303</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>13.970.613.905</u></b>	<b><u>16.079.535.343</u></b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	<u>41.697.357.516</u>	<u>(439.873.776.462)</u>
Thuế TNDN theo các thuế suất áp dụng cho Công ty và công ty con là 20%	8.339.471.503	(87.974.755.292)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Phân bổ lợi thế thương mại	2.698.602.692	2.698.602.692
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận liên quan đến lỗ tính thuế trong năm	2.112.502.007	73.996.058.532
Chi phí lãi vay vốn hóa công ty liên kết	174.304.342	132.987.326
Các chi phí không được khấu trừ khác	612.542.640	1.667.446.475
Phần lỗ từ công ty liên kết	33.190.721	17.277.689
Lỗ hợp nhất do chuyển nhượng công ty con	-	25.044.633.249
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	3.049.950.051
Ảnh hưởng của việc đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tại ngày mua công ty con	-	1.930.056.514
Lỗ do thanh lý công ty liên kết	-	1.803.265.699
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Chi phí lãi vay được khấu trừ của công ty con	-	(6.285.987.592)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>13.970.613.905</u></b>	<b><u>16.079.535.343</u></b>

**27.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

0209  
CÔNG  
ÔNG PH  
NG SẢ  
H VẢ  
RUNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý 4 năm 2018 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**27.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
	<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>			
Ảnh hưởng của việc điều chỉnh giá trị hợp lý các tài sản của công ty con tại ngày mua	46.256.682.658	47.800.727.870	1.544.045.212	(386.011.303)
	<b>46.256.682.658</b>	<b>47.800.727.870</b>		
<b>Thu nhập/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>			<b>1.544.045.212</b>	<b>(386.011.303)</b>

**27.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận phải chịu thuế thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 686.167.254.214 VND (31 tháng 12 năm 2017: 675.604.744.178 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh (*)	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2018	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2018
2015	2020	294.202.906.825	-	-	294.202.906.825
2016	2021	11.421.544.691	-	-	11.421.544.691
2017	2022	369.980.292.662	-	-	369.980.292.662
2018	2023	10.562.510.036	-	-	10.562.510.036
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>686.167.254.214</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>686.167.254.214</b>

(\*) Đây là các khoản lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Tập đoàn còn chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý 4 năm 2018 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Thu hồi gốc vay	-	500.000.000
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp	Công ty liên kết	Lãi vay phải thu phát sinh Cho vay	2.167.425.293 2.685.000.000	1.653.659.860 3.160.700.000
Ông Lê Xuân Hải	Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty, Cổ đông và Thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") của Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Trả gốc vay Miễn, giảm gốc vay và lãi vay	- -	450.000.000 18.145.844.722
Bà Vũ Hồng Dung	Bên liên quan khác	Miễn, giảm gốc vay và lãi vay Trả gốc vay	- -	23.193.039.003 15.000.000.000
Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỹ nghệ Ninh Vân Bay (NVBHC)	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Miễn, giảm gốc vay và lãi vay	-	5.699.013.674
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thương mại P&N	Cổ đông Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Chia cổ tức Cổ tức chi trả cho cổ đông	11.400.000.000 11.400.000.000	13.850.000.000 13.850.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư TLC	Cổ đông Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Chia cổ tức Cổ tức chi trả cho cổ đông	1.520.000.000 1.520.000.000	1.880.000.000 1.880.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Du lịch THC	Cổ đông Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Chia cổ tức Cổ tức chi trả cho cổ đông	3.800.000.000 3.800.000.000	4.700.000.000 4.700.000.000
Ông Tạ Phạm Phi Cát	Cổ đông, Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Chia cổ tức Cổ tức chi trả cho cổ đông	29.900.000.000 29.900.000.000	2.350.000.000 2.350.000.000
Ông Phan Đức Trung	Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Chia cổ tức Cổ tức chi trả cho cổ đông	- -	1.200.000.000 1.200.000.000
Công ty Cổ phần Hồng Hải	Công ty nhận vốn đầu tư	Góp thêm vốn trong kỳ Chi phí thuê cầu cảng thiết bị Lãi vay phải thu	- 581.066.818 46.220.603	3.370.250.000 3.657.715.497 15.967.672
Sustainable Luxury Mauritius Ltd	Công ty Quản lý Khu nghỉ dưỡng Six Senses Ninh Vân Bay	Phí quản lý phát sinh Thanh toán phí quản lý	16.054.355.978 14.444.974.885	14.046.073.392 13.926.690.204



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý 4 năm 2018 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp	Công ty liên kết	Cho vay ngắn hạn	24.516.700.000	21.831.700.000
Công ty Cổ phần Hồng Hải	Công ty nhận vốn đầu tư	Cho vay ngắn hạn	230.000.000	230.000.000
			<b>24.746.700.000</b>	<b>22.061.700.000</b>

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn với các bên liên quan như sau:

Đối tượng	Số cuối năm(VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp (*)	24.516.700.000	Ngày 31 tháng 01 năm 2019	9-10%	Tín chấp
Công ty Cổ phần Hồng Hải	230.000.000	Ngày 21 tháng 6 năm 2019	14%	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>24.746.700.000</b>			

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 6)</b>				
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp (*)	Công ty liên kết	Lãi vay phải thu	11.695.948.159	9.528.610.890
Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay (NVBHC)	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Chi phí trả hộ	2.468.734.716	2.468.734.716
Công ty Cổ phần Hồng Hải	Công ty nhận vốn đầu tư	Lãi vay phải thu Thu hộ chi hộ	232.731.290 932.071.760	186.510.687 -
			<b>15.329.485.925</b>	<b>12.183.856.293</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý 4 năm 2018 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b> (Thuyết minh số 15.1)				
Sustainable Luxury Mauritius Ltd	Công ty Quản lý Khu nghỉ dưỡng Six Senses Ninh Vân Bay	Phí quản lý	4.659.024.875	2.858.070.172
			<b>4.659.024.875</b>	<b>2.858.070.172</b>
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b> (Thuyết minh số 17)				
Công ty Cổ phần Hồng Hải	Công ty nhận vốn đầu tư	Chi phí thuê cầu cảng, thiết bị	4.608.933.391	4.016.078.948
			<b>4.608.933.391</b>	<b>4.016.078.948</b>



Ngô Thị Thanh Hải  
 Người lập kiêm Kế toán trưởng



Hoàng Anh Dũng  
 Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 1 năm 2019